

**QUYẾT ĐỊNH**

**Công bố Danh mục văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh hết hiệu lực**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 37/TTr-STP ngày 10 tháng 01 năm 2019,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh hết hiệu lực thi hành gồm 02 danh mục sau:

1. Danh mục văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành hết hiệu lực toàn bộ, tổng số có 34 văn bản.

a) Hết hiệu lực toàn bộ trong năm 2018: 31 văn bản, gồm: 18 nghị quyết và 13 quyết định;

b) Hết hiệu lực toàn bộ trước ngày 01/01/2018: 03 văn bản, gồm: 02 nghị quyết và 01 quyết định;

2. Danh mục văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành hết hiệu lực một phần, tổng số có 10 văn bản.

a) Hết hiệu lực một phần trong năm 2018: 09 văn bản, gồm: 04 nghị quyết và 05 quyết định;

b) Hết hiệu lực một phần trước ngày 01/01/2018: 01 nghị quyết.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.



**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, Thủ trưởng ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ Tư pháp;
- TT. HĐND tỉnh;
- CT và các PCT. UBND tỉnh;
- Ban Pháp chế - HĐND tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, ntttrng.



**Mai Anh Nhịn**

## DANH MỤC

### Văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang hết hiệu lực toàn bộ<sup>1</sup>

(Kèm theo Quyết định số 135 /QĐ-UBND ngày 28 tháng 01 năm 2019  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

#### A. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC TOÀN BỘ NĂM 2018

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu, ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
<b>VĂN BẢN CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH</b>					
1.	Nghị quyết	Số 15/2007/NQ-HĐND ngày 11/01/2007	Về việc ban hành Danh mục lệ phí cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.	Thay thế bằng Nghị quyết số 140/2018/NQ-HĐND ngày 08/01/2018	18/01/2018
2.	Nghị quyết	Số 23/2011/NQ-HĐND ngày 20/7/2011	Về việc ban hành lệ phí đăng ký giao dịch bảo đảm và phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm trên địa bàn tỉnh Kiên Giang	Thay thế bằng Nghị quyết số 143/2018/NQ-HĐND ngày 08/01/2018	18/01/2018
3.	Nghị quyết	Số 59/2012/NQ-HĐND ngày 12/7/2012	Về việc ban hành chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Kiên Giang	Bãi bỏ bằng Nghị quyết số 136/2018/NQ-HĐND ngày 08/01/2018	18/01/2018
4.	Nghị quyết	Số 67/2014/NQ-HĐND ngày 09/7/2014	Quy định phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai trên địa bàn tỉnh Kiên Giang	Thay thế bằng Nghị quyết số 132/2018/NQ-HĐND ngày 08/01/2018	18/01/2018
5.	Nghị quyết	Số 68/2014/NQ-HĐND ngày 09/7/2014	Về quy định phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường trên địa bàn tỉnh Kiên Giang	Thay thế bằng Nghị quyết số 127/2018/NQ-HĐND ngày 08/01/2018	18/01/2018
6.	Nghị	Số	Về quy định phí thẩm	Thay thế bằng	18/01/2018

<sup>1</sup> Sắp xếp theo hình thức văn bản và thời gian ban hành văn bản



	quyết	69/2014/NQ-HĐND ngày 09/7/2014	định cấp quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Kiên Giang	Nghị quyết số 126/2018/NQ-HĐND ngày 08/01/2018	
7.	Nghị quyết	Số 88/2014/NQ-HĐND ngày 04/12/2014	Về quy định chế độ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và thu hút nguồn nhân lực tỉnh Kiên Giang	Thay thế bằng Nghị quyết số 181/2018/NQ-HĐND ngày 14/12/2018	24/12/2018
8.	Nghị quyết	Số 118/2015/NQ-HĐND ngày 15/7/2015	Về quy định phí thẩm định đề án, báo cáo thăm dò, khai thác, sử dụng nước dưới đất; khai thác, sử dụng mặt nước; xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Kiên Giang	Thay thế bằng Nghị quyết số 122/2018/NQ-HĐND ngày 08/01/2018	18/01/2018
9.	Nghị quyết	Số 119/2015/NQ-HĐND ngày 15/7/2015	Về quy định phí thẩm định báo cáo kết quả thăm dò đánh giá trữ lượng nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Kiên Giang	Thay thế bằng Nghị quyết số 122/2018/NQ-HĐND ngày 08/01/2018	18/01/2018
10.	Nghị quyết	Số 120/2015/NQ-HĐND ngày 15/7/2015	Về quy định phí thẩm định hồ sơ, điều kiện hành nghề khoan nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Kiên Giang	Thay thế bằng Nghị quyết số 142/2018/NQ-HĐND ngày 08/01/2018	18/01/2018
11.	Nghị quyết	Số 121/2015/NQ-HĐND ngày 15/7/2015	Về quy định lệ phí địa chính trên địa bàn tỉnh Kiên Giang	Thay thế bằng Nghị quyết số 125/2018/NQ-HĐND ngày 08/01/2018	18/01/2018
12.	Nghị quyết	Số 128/2015/NQ-HĐND ngày 15/7/2015	Về quy định lệ phí đăng ký cư trú; lệ phí chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Kiên Giang	Thay thế bằng Nghị quyết số 141/2018/NQ-HĐND ngày 08/01/2018	18/01/2018
13.	Nghị quyết	Số 38/2016/NQ-HĐND ngày 01/8/2016	Ban hành Quy định về phân cấp quản lý, sử dụng tài sản nhà nước trên địa bàn tỉnh Kiên Giang	Thay thế bằng Nghị quyết số 172/2018/NQ-HĐND ngày 24/7/2018	03/8/2018

14.	Nghị quyết	Số 40/2016/NQ-HĐND ngày 01/8/2016	Về việc quy định mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông công lập năm học 2016-2017 trên địa bàn tỉnh	Hết thời hạn có hiệu lực	18/01/2018
15.	Nghị quyết	Số 45/2016/NQ-HĐND ngày 01/8/2016	Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Kiên Giang	Thay thế bằng Nghị quyết số 123/2018/NQ-HĐND ngày 08/01/2018	18/01/2018
16.	Nghị quyết	Số 115/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017	Về kế hoạch đầu tư công năm 2018	Hết thời hạn có hiệu lực	31/12/2018
17.	Nghị quyết	Số 118/2018/NQ-HĐND ngày 08/01/2018	Quy định mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Kiên Giang năm học 2017 – 2018	Thay thế bằng Nghị quyết số 166/2018/NQ-HĐND ngày 24/7/2018	03/8/2018
18.	Nghị quyết	Số 155/2018/NQ-HĐND ngày 24/7/2018	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2018 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang	Hết thời hạn có hiệu lực	31/12/2018

### VĂN BẢN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

1.	Quyết định	Số 2039/2000/QĐ-UBND ngày 10/10/2000	Về việc giao nhiệm vụ bảo vệ, quản lý và sử dụng di tích lịch sử văn hóa và danh lam thắng cảnh tỉnh Kiên Giang	Thay thế bằng Quyết định số 02/2018/QĐ-UBND ngày 01/3/2018	12/3/2018
2.	Quyết định	Số 35/2006/QĐ-UBND ngày 11/10/2006	Về việc ban hành Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và chỉ giới xây dựng của hệ thống đường bộ trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.	Bãi bỏ bằng Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 29/11/2018	10/12/2018
3.	Quyết định	Số 32/2012/QĐ-UBND ngày 29/10/2012	Về việc công bố tên đường huyện trên địa bàn tỉnh Kiên Giang	Thay thế bằng Quyết định số 15/2018/QĐ-UBND ngày	01/7/2018

				22/6/2018	
4.	Quyết định	Số 33/2012/QĐ-UBND ngày 29/10/2012	Về việc công bố số hiệu đường tỉnh trên địa bàn tỉnh Kiên Giang	Thay thế bằng Quyết định số 14/2018/QĐ-UBND ngày 22/6/2018	01/7/2018
5.	Quyết định	Số 21/2013/QĐ-UBND ngày 10/9/2013	Ban hành một số chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường trên địa bàn tỉnh Kiên Giang	Thay thế bằng Quyết định số 09/2018/QĐ-UBND ngày 08/6/2018	18/6/2018
6.	Quyết định	Số 07/2014/QĐ-UBND ngày 20/01/2014	Về việc thực hiện chính sách hỗ trợ lãi suất cho nhân dân vay vốn đầu tư phát triển giao thông nông thôn năm 2014, 2015 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang	Hết thời hạn có hiệu lực	31/12/2018
7.	Quyết định	Số 07/2015/QĐ-UBND ngày 29/01/2015	Về việc quy định đơn giá sản phẩm tài nguyên để tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Kiên Giang	Thay thế bằng Quyết định số 10/2018/QĐ-UBND ngày 08/6/2018	18/6/2018
8.	Quyết định	Số 08/2015/QĐ-UBND ngày 29/01/2015	Ban hành Quy định tỷ lệ quy đổi từ số lượng khoáng sản thành phẩm ra số lượng khoáng sản nguyên khai trên địa bàn tỉnh Kiên Giang	Thay thế bằng Quyết định số 06/2018/QĐ-UBND ngày 04/5/2018	15/5/2018
9.	Quyết định	Số 21/2016/QĐ-UBND ngày 29/7/2016	Về việc quy định khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp giấy phép của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang	Thay thế bằng Quyết định số 17/2018/QĐ-UBND ngày 03/7/2018	15/7/2018
10.	Quyết định	Số 23/2016/QĐ-UBND, ngày 25/8/2016	Về việc quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông công lập năm học 2016-2017 trên địa	Hết thời hạn có hiệu lực	18/01/2018

			bản tỉnh Kiên Giang		
11.	Quyết định	Số 33/2016/QĐ-UBND ngày 14/10/2016	Phân cấp quản lý an toàn thực phẩm đối với các cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ trên địa bàn tỉnh Kiên Giang	Bãi bỏ bằng Quyết định số 21/2018/QĐ-UBND ngày 12/9/2018	25/9/2018
12.	Quyết định	Số 34/2016/QĐ-UBND ngày 19/10/2016	Về việc quy định mức thu tiền sử dụng khu vực biển để khai thác, sử dụng tài nguyên biển trên địa bàn tỉnh Kiên Giang	Thay thế bằng Quyết định số 13/2018/QĐ-UBND ngày 19/6/2018	29/6/2018
13.	Quyết định	Số 18/2017/QĐ-UBND ngày 31/5/2017	Về việc quy định hệ số điều chỉnh giá đất trên địa bàn tỉnh Kiên Giang	Thay thế bằng Quyết định số 16/2018/QĐ-UBND ngày 03/7/2018	15/7/2018
<b>Tổng số: 31 văn bản; gồm: 18 nghị quyết, 13 quyết định.</b>					

**B. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC TOÀN BỘ TRƯỚC NGÀY 01/01/2018**

<b>STT</b>	<b>Tên loại văn bản</b>	<b>Số, ký hiệu, ngày tháng, năm ban hành văn bản</b>	<b>Tên gọi của văn bản/ Trích yếu nội dung văn bản</b>	<b>Lý do hết hiệu lực</b>	<b>Ngày hết hiệu lực</b>
<b>I. VĂN BẢN CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH</b>					
1.	Nghị quyết	Số 20/2000/NQ-HĐND ngày 13/7/2000	Về việc miễn giảm quỹ nhân dân đóng góp xây dựng trường học	Bãi bỏ bằng Nghị quyết số 72/NQ-HĐND ngày 11/12/2007	21/12/2007
2.	Nghị quyết	Số 149/2015/NQ-HĐND ngày 09/12/2015	Về việc chi hỗ trợ lãi suất cho Nhân dân vay vốn đầu tư phát triển giao thông nông thôn năm 2014 đối với huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang	Hết thời hạn có hiệu lực	31/12/2017
<b>II. VĂN BẢN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH</b>					
1.	Quyết định	Số 07/2016/QĐ-UBND ngày 26/01/2016	Về việc chi hỗ trợ lãi suất cho nhân dân vay vốn đầu tư phát triển giao thông nông thôn năm 2014 đối với huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang	Hết thời hạn có hiệu lực	31/12/2017
<b>Tổng số: 03 văn bản; gồm 02 nghị quyết, 01 quyết định.</b>					



## DANH MỤC

### Văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang hết hiệu lực một phần<sup>2</sup>

(Kèm theo Quyết định số 195/QĐ-UBND ngày 08 tháng 01 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

#### A. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC MỘT PHẦN NĂM 2018

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu, ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản/ trích yếu nội dung của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực	Lý do hết hiệu lực	Ngày hết hiệu lực
<b>I. VĂN BẢN CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH</b>					
1.	Nghị quyết	Nghị quyết số 90/2014/NQ-HĐND ngày 04/12/2014 về việc ban hành Bảng giá đất đối với các loại đất trên địa bàn tỉnh Kiên Giang	<ul style="list-style-type: none"><li>- Khoản 2, 3, 4 Điều 1;</li><li>- Số thứ tự 16, 20 Điểm b Bảng 2; số thứ tự 55, Tiết 2 số thứ tự 57, số thứ tự 58, 61, 66, 67, Khoản 1 Bảng 3; Tiết 2 số thứ tự 1, Tiết 1 số thứ tự 2, số thứ tự 4, Khoản 2 Bảng 3 - Phụ lục số 02: Giá các loại đất thị xã Hà Tiên;</li><li>- Mục * Bảng 3 - Phụ lục số 03: Giá các loại đất huyện An Biên;</li><li>- Số thứ tự 1, Nhóm III Bảng 1; số thứ tự 5, Phần IX, Điểm b Bảng 2; số thứ tự 2, 4, 5, 6, 8, 9, Phần I Bảng 3 và số thứ tự</li></ul>	Bãi bỏ bằng Nghị quyết số 137/2018/NQ-HĐND ngày 08/01/2018	18/01/2018

<sup>2</sup> Sắp xếp theo hình thức văn bản và thời gian ban hành văn bản

			<p>1, 2, Phần II Bảng 3</p> <p>- Phụ lục số 05: Giá các loại đất huyện Châu Thành;</p> <p>- Mục * số thứ tự 15, Điểm b Bảng 2 - Phụ lục số 07: Giá các loại đất huyện Giồng Riềng;</p> <p>- Mục 2.2 số thứ tự 2, Tiết 13, Mục 4.4; Tiết 7, 8, Mục 4.5 số thứ tự 4, Điểm b Bảng 2 và số thứ tự 5 Bảng 3 - Phụ lục số 08: Giá các loại đất huyện Gò Quao;</p> <p>- Số thứ tự 4, 5, Phần II Bảng 2 - Phụ lục số 10: Giá các loại đất huyện Kiên Hải;</p> <p>- Số thứ tự 7, Điểm b Bảng 2; số thứ tự 9 đến 27 và số thứ tự 36 đến 41 Bảng 3</p> <p>- Phụ lục số 11: Giá các loại đất huyện Kiên Lương;</p> <p>- Số thứ tự 1 Bảng 1; Điểm a, số thứ tự 22, 28, 29, Điểm b, Bảng 2 - Phụ lục số 12: Giá các loại đất huyện Phú Quốc.</p> <p>- Số thứ tự 2, Điểm b, Bảng 2 - Phụ lục số 15: Giá các loại đất huyện Vĩnh Thuận”.</p>		
2.	Nghị	Số 104/2017/NQ-	Tiết 4, Khoản 3,	Bãi bỏ	18/01/2018

	quyết	HĐND ngày 20/7/2017 ban hành Đề án phát triển nguồn nhân lực tỉnh Kiên Giang đến năm 2020 và những năm tiếp theo	Mục V và biểu số 02 ban hành kèm theo Nghị quyết số 104/2017/NQ-HĐND	bằng Nghị quyết số 119/2018/NQ-HĐND ngày 08/01/2018	
3.	Nghị quyết	Số 114/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang	Một số danh mục dự án tại các Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết số 114/2017/NQ-HĐND	Bãi bỏ bằng Nghị quyết số 156/2018/NQ-HĐND ngày 24/7/2018 và Nghị quyết số 178/2018/NQ-HĐND ngày 14/12/2018	03/8/2018 24/12/2018
4.	Nghị quyết	Nghị quyết số 156/2018/NQ-HĐND ngày 24/7/2018 điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang	Một số danh mục dự án tại các Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết số 156/2018/NQ-HĐND	Bãi bỏ bằng Nghị quyết số 178/2018/NQ-HĐND ngày 14/12/2018	24/12/2018
<b>III. VĂN BẢN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH</b>					
1.	Quyết định	Số 35/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 ban hành Quy định bảng giá đất đối với các loại đất trên địa bàn tỉnh Kiên Giang	- Điểm b và Điểm c, Khoản 2, Điều 5. - Khoản 2, Khoản 6, Khoản 7, Khoản 9 và Khoản 10, Điều 7.	Bãi bỏ bằng Quyết định số 20/2018/QĐ-UBND ngày 17/7/2018	27/7/2018



			<p>- Khoản 1, Điều 8.</p> <p>- Số thứ tự thứ 16, 20, Điểm b, Bảng 2; số thứ tự thứ 55, Tiết 2 số thứ tự thứ 57, số thứ tự thứ 58, 61, 66, 67 Khoản 1, Bảng 3; Tiết 2 số thứ tự thứ 1, Tiết 1 số thứ tự thứ 2, số thứ tự thứ 4 Khoản 2, Bảng 3 - Phụ lục số 02: Giá các loại đất thị xã Hà Tiên.</p> <p>- Mục * Bảng 3 - Phụ lục số 03: Giá các loại đất huyện An Biên.</p> <p>- Số thứ tự thứ 1 Nhóm III, Bảng 1; số thứ tự thứ 5 Phần IX, Điểm b Bảng 2; số thứ tự thứ 2, 4, 5, 6, 8, 9 Phần I, Bảng 3 và số thứ tự thứ 1, 2 Phần II, Bảng 3 - Phụ lục số 05: Giá các loại đất huyện Châu Thành.</p> <p>- Mục * số thứ tự thứ 15, Điểm b, Bảng 2 - Phụ lục số 07: Giá các loại đất huyện Giồng Riềng.</p> <p>- Mục 2.2 số thứ tự thứ 2; Tiết 13 Mục</p>	
--	--	--	--	--



			<p>4.4, Tiết 7, 8 Mục 4.5 số thứ tự thứ 4 Điểm b, Bảng 2 và số thứ tự thứ 5 Bảng 3 - Phụ lục số 08: Giá các loại đất huyện Gò Quao.</p> <p>- Số thứ tự thứ 4, 5 Phần II, Bảng 2 - Phụ lục số 10: Giá các loại đất huyện Kiên Hải.</p> <p>- Số thứ tự thứ 7, 13, 14 Điểm b, Bảng 2; số thứ tự thứ 9 đến 27 và số thứ tự thứ 36 đến 41 Bảng 3 - Phụ lục số 11: Giá các loại đất huyện Kiên Lương.</p> <p>- Số thứ tự thứ 1 Bảng 1; Điểm a, số thứ tự thứ 22, 28, 29 Điểm b, Bảng 2 - Phụ lục số 12: Giá các loại đất huyện Phú Quốc.</p> <p>- Số thứ tự thứ 2 Điểm b, Bảng 2 - Phụ lục số 15: Giá các loại đất huyện Vĩnh Thuận.</p>		
2.	Quyết định	Số 09/2015/QĐ-UBND ngày 04/02/2015 ban hành Quy chế tổ	Khoản 1, Điều 8 của Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số	Bãi bỏ bằng Quyết định số 04/2018/QĐ-UBND ngày	01/5/2018

		chức và hoạt động của ấp, khu phố trên địa bàn tỉnh Kiên Giang	09/2015/QĐ-UBND	20/4/2018	
3.	Quyết định	Số 22/2015/QĐ-UBND ngày 17/6/2015 ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Kiên Giang	- Khoản 1, Điều 9. - Điểm đ, Khoản 1, Điều 12. - Khoản 1, Điều 14. - Khoản 2, Điều 15. - Khoản 4, Điều 18. - Khoản 3, Khoản 9 và Khoản 10, Điều 19. - Điều 21.	Bãi bỏ bằng Quyết định số 18/2018/QĐ-UBND ngày 06/7/2018	17/7/2018
4.	Quyết định	Số 16/2016/QĐ-UBND ngày 13/4/2016 ban hành Quy định quản lý mặt nước biển để nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh Kiên Giang	Khoản 4 Điều 3, Khoản 5 Điều 4, Khoản 6 Điều 11 và Khoản 1 Điều 20 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 16/2016/QĐ-UBND	Bãi bỏ bằng Quyết định số 05/2018/QĐ-UBND ngày 03/5/2018	12/5/2018
5.	Quyết định	Số 36/2016/QĐ-UBND ngày 22/12/2016 ban hành Quy định phân cấp quản lý cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang	Điều 4 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 36/2016/QĐ-UBND	Bãi bỏ bằng Quyết định số 12/2018/QĐ-UBND ngày 18/6/2018	28/6/2018
<b>Tổng số: 09 văn bản, gồm: 04 nghị quyết, 05 quyết định</b>					

**B. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC MỘT PHẦN TRƯỚC NGÀY 01/01/2018**

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản/trích yếu nội dung của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực	Lý do hết hiệu lực	Ngày hết hiệu lực
<b>VĂN BẢN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH</b>					
1.	Nghị quyết	Số 111/2010/NQ-HĐND ngày 10/6/2010 về việc quy định chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ấp, khu phố thuộc tỉnh Kiên Giang	Khoản 1, Khoản 2, Khoản 5, Khoản 6, Khoản 7, Mục II; Điểm a, Điểm b (trừ chức danh Phó Trưởng Công an xã), Điểm c, Khoản 1 và Khoản 3, Mục III Nghị quyết số 111/2010/NQ-HĐND	Thay thế bằng Nghị quyết số 77/2017/NQ-HĐND ngày 20/7/2017; Công văn đính chính số 40/HĐND-VP ngày 07/3/2018	30/7/2017
<b>Tổng số: 01 nghị quyết</b>					

LawSoft  
 Tel: +84 9 3930 3279 \* www.ThuVienPhapLuat.vn